

GLOBAL ENGLISH 1	MATHS 1	SCIENCE 1	SMART START 1
Unit 3: Fun and games LB: 51, 53, 56, 58 WB: 44 <u>Numbers</u> Eleven: mười một Twelve: mười hai Thirteen: mười ba Fourteen: mười bốn Fifteen: mười lăm Sixteen: mười sáu Seventeen: mười bảy Eighteen: mười tám Nineteen: mười chín Twenty: hai mươi <u>Prepositions</u> on: trên under: dưới next to: bên cạnh <u>Vowels</u> Short A vocabulary: Hat Bag Man Hand Short U vocabulary: Duck Rug Cup Bug <u>Actions</u> Bounce Roll: lăn Hit: đánh Kick: đá Throw: ném >< Catch: bắt	Unit 7.1: Sets LB: 98-102 WB: 79-88 data: dữ liệu group: nhóm set: bộ sort: phân loại	Unit 3.2: Properties (Tính chất của Vật liệu) LB: 44-47 WB: 26-30 dull: mờ (không sáng bóng) >< shiny (lấp lánh, sáng bóng) flexible: dẻo >< rigid: cứng (khó uốn dẻo) hard: cứng >< soft: mềm rough: gồ ghề >< smooth: trơn láng strong: chắc >< weak: yếu threads: sợi chỉ Sentences: (Các em đặt câu về đồ vật làm từ vật liệu nào) The rock is hard. The pillow is soft.	Vocabulary: - head, arm, leg - Letter E - elephant - Letter F - food Structure: - Touch your head.